

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **10/2025/DS - ST**

Ngày 20/02/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**.

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn**.

Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 132/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2025/QĐST-HPT ngày 20/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (trước đây là Công ty TNHH S) - Địa chỉ trụ sở chính: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Kanokwatpaisal N** – Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Hoài V** – Sinh năm: 1991 (*Theo Quyết định số 441/2024/UQ-SVN ngày 01/01/2024 của Giám đốc Công ty về việc Ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng*). Địa chỉ liên hệ: 52 L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Đào Thị Ngọc T** – Sinh năm: 196x- Địa chỉ: Kiệt M, tổ 01, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Võ Hoài V trình bày:*

Vào ngày 03/01/2024, bà **Đào Thị Ngọc T** có đến chi nhánh Đà Nẵng 1 của Công ty tại địa chỉ : 52 L, phường C, quận T, Thành phố Đà Nẵng ,để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: **DNM240102005NA19X** được ký giữa các bên ngày 03/01/2024 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực

tuyển của Cục đăng ký Quốc Gia: Giaodichdambao/botuphap: **1534498832** theo web : <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> thì bà Đào Thị Ngọc Trâm có ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

- + 01 xe máy biển kiểm soát: 43K1-521.xx
- + Loại xe: Lead FI ; màu: Đỏ Đen
- + Số khung: RLHJF7926KZ007xxx - số máy: JF89E0039xxx
- + Số Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số **0085xx** Do Công an Thành phố Đà Nẵng cấp ngày **27/07/2023**

Để lấy số tiền là 14,990,000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng); thời hạn cầm cố là **12** tháng (từ 03/01/2024 - 03/01/2025) với mức lãi suất là **1,1%**/ tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Đào Thị Ngọc T.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà Đào Thị Ngọc T mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 03/01/2024 đến 03/02/2024 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Đà Nẵng 1. Bà Đào Thị Ngọc T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe:“Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, bà Đào Thị Ngọc T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty chúng tôi, đến nay đã quá hạn hợp đồng, bà Đào Thị Ngọc T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty chúng tôi.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà Đào Thị Ngọc T tại địa chỉ: kiệt M ,tổ 1, H, N, Đà Nẵng nhưng đều không gặp. Chúng tôi đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để bà T trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty chúng tôi, nhưng bà T không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty chúng tôi.

Từ nội dung sự việc trên, có thể khẳng định bà T đã có hành vi cầm cố tài sản cho Công ty, nhận được tiền thông qua hợp đồng cầm cố, chúng tôi tạo điều kiện cho mượn lại xe để sử dụng sau đó khi đến hạn, bà T không thanh toán theo hợp đồng hoặc trả lại xe cho công ty mà chiếm đoạt tài sản công ty, Công ty Cổ phần S quyết định khởi kiện bà T ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo đơn khởi kiện, công ty yêu cầu bà Đào Thị Ngọc T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 25.149.774 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng) tính đến ngày 20/02/2025. Bao gồm:

- + Gốc: 13.846.982 đồng;
- + Lãi suất cố định: 938.066 đồng (1.1%/ tháng);
- + Phí quản lý hồ sơ: 426.394 đồng (0.5%/ tháng);
- + Phí mượn xe: 8.244.500 đồng (749.500đ/tháng x 11 tháng);

+ Phí trễ hạn: 1.493.833 đồng;

+ Phí theo dõi: 200.000 đồng.

Ngoài ra bà Đào Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 21/02/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà T không trả tiền thì Công ty Cổ Phần S có quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Lead FI; Biển kiểm soát 43K1-521.xx; Số khung RLHJF7926KZ007xxx ; Số máy JF89E0039xxx theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty số DNM240102005NA19X ngày 03/01/2024.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: rút yêu cầu thanh toán phí theo dõi: 200.000 đồng và rút yêu cầu xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Lead FI; Biển kiểm soát 43K1-521.xx; Số khung RLHJF7926KZ007xxx; Số máy JF89E0039xxx theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty số DNM240102005NA19X ngày 03/01/2024.

* Bị đơn bà Đào Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà T vẫn vắng mặt nên không có lời khai của bà Đào Thị Ngọc T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là bà Đào Thị Ngọc T liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 280, 463, 466, 468, 292, 293, 309, 310, 311, 313, 314, 315 BLDS; Điều 5, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) đối với bà Đào Thị Ngọc T. Bà Đào Thị Ngọc T phải trả cho Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) số tiền 24.949.774 đồng tính đến ngày 20/02/2025. Bao gồm: Gốc: 13.846.982 đồng; Lãi suất cố định: 938.066 đồng (1.1%/tháng); Phí quản lý hồ sơ: 426.394 đồng (0.5%/tháng); Phí mượn xe: 8.244.500 đồng (749.500đ/tháng x 11 tháng); Phí trễ hạn: 1.493.833 đồng. Buộc bà Đào Thị Ngọc T tiếp tục trả lãi phát sinh kể ngày 21/02/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng số: DNM240102005NA19X được ký giữa các bên ngày 03/01/2024 cho đến khi bà Đào Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp bà Đào Thị Ngọc T hoàn tất xong khoản nợ thì phía Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S)

hoàn trả lại cho bà Đào Thị Ngọc T Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 430085xx do Công an quận N cấp ngày 27/7/2023 đứng tên bà Đào Thị Ngọc T theo quy định tại **Điều 313, 315** BLDS năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán phí theo dõi: 200.000 đồng và yêu cầu xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Lead FI; Biển kiểm soát 43K1-521.xx; Số khung RLHJF7926KZ007xxx; Số máy JF89E0039xxx theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty số DNM240102005NA19X ngày 03/01/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản được ký kết giữa Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) và bà Đào Thị Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Đào Thị Ngọc T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt Bà Đào Thị Ngọc T.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 03/01/2024, Bà Đào Thị Ngọc T và Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) ký kết hợp đồng cầm cố số: DNM240102005NA19X, theo đó bà T cầm cố tài sản là 01 chiếc xe mô tô Honda Lead FI; Biển kiểm soát 43K1-521.xx; Số khung RLHJF7926KZ007xxx; Số máy JF89E0039xxx theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 430085xx do Công an quận N cấp ngày 27/7/2023 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền cầm cố là 14,990,000 đồng (Mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 03/01/2024 - 03/01/2025) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng; lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn; phí quản lý hồ sơ cố định: 0,5%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho Bà Đào Thị Ngọc T.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nguyên đơn- Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn – bà Đào Thị Ngọc T phải thanh toán số tiền **24.949.774** đồng tính đến ngày 20/02/2025. Bao gồm: Gốc: 13.846.982 đồng; Lãi suất cố định: 938.066 đồng (1.1%/tháng); Phí quản lý hồ sơ: 426.394 đồng (0.5%/tháng); Phí mượn xe: 8.244.500 đồng (749.500đ/tháng x 11 tháng); Phí trễ hạn: 1.493.833 đồng. Buộc bà Đào Thị Ngọc T tiếp tục trả lãi phát sinh kể ngày 21/02/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng số: DNM240102005NA19X ký ngày 03/01/2024 cho đến khi bà Đào Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ.

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Hợp đồng cầm cố số: DNM240102005NA19X ngày 03/01/2024 được ký kết giữa Công ty TNHH S (nay

là Công ty CP S) với bà Đào Thị Ngọc T trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[2.2] Xét yêu cầu về lãi suất: Bản chất của tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản được ký kết giữa Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) và bà Đào Thị Ngọc T là quan hệ vay tiền có bảo đảm về tài sản. Quá trình trả nợ, Bà Đào Thị Ngọc T chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng, bà Đào Thị Ngọc T không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Như vậy, bà Đào Thị Ngọc T đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) yêu cầu Tòa án buộc bà Đào Thị Ngọc T phải trả số tiền **24.949.774** đồng tính đến ngày 20/02/2025. Bao gồm: Gốc: 13.846.982 đồng; Lãi suất cố định: 938.066 đồng (1.1%/tháng); Phí quản lý hồ sơ: 426.394 đồng (0.5%/tháng); Phí mượn xe: 8.244.500 đồng (749.500đ/tháng x 11 tháng); Phí trễ hạn: 1.493.833 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 280, 463, 466, 468, 292, 293, 309, 310, 311, 313, 314 BLDS; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 21/02/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng cầm cố số: DNM240102005NA19X ngày 03/01/2024 cho đến khi bà Đào Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Trường hợp bà Đào Thị Ngọc T hoàn tất xong khoản nợ thì phía Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) hoàn trả lại cho bà Đào Thị Ngọc T Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 430085xx do Công an quận N cấp ngày 27/7/2023 đứng tên bà Đào Thị Ngọc T theo quy định tại **Điều 313, 315** BLDS năm 2015.

[2.3] Về xử lý tài sản cầm cố: Tại phiên toà, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút phần yêu cầu thanh toán phí theo dõi: 200.000 đồng và rút yêu cầu xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Lead FI; Biển kiểm soát 43K1-521.xx; Số khung RLHJF7926KZ007xxx ; Số máy JF89E0039xxx theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty số DNM210601033NA19X ngày 19/06/2021. Xét thấy việc rút này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều 244 Bộ luật TTDS nên HĐXX đình chỉ yêu cầu này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) được chấp nhận nên bị đơn là bà Đào Thị Ngọc T phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) số tiền tạm ứng án phí **472.000 đồng** theo biên lai thu số 0003401 ngày 24/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

[4] Đối với quan điểm và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 244 Bộ luật TTDS

- Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468, 292, 293, 309, 310, 311, 313, 314, 315 của BLDS;

- Căn cứ Điều 5, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản*" của Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) đối với bà Đào Thị Ngọc T.

1. Xử: Buộc bà Đào Thị Ngọc T phải trả cho Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) số tiền **24.949.774** đồng tính đến ngày 20/02/2025. Bao gồm: Gốc: 13.846.982 đồng; Lãi suất cố định: 938.066 đồng (1.1%/tháng); Phí quản lý hồ sơ: 426.394 đồng (0.5%/tháng); Phí mượn xe: 8.244.500 đồng (749.500đ/tháng x 11 tháng); Phí trễ hạn: 1.493.833 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 21/02/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng cầm cố số: : DNM240102005NA19X ngày 03/01/2024 cho đến khi bà Đào Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Đào Thị Ngọc T hoàn tất xong khoản nợ thì phía Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) hoàn trả lại cho bà Đào Thị Ngọc T Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 430085xx do Công an quận N cấp ngày 27/7/2023 đứng tên bà Đào Thị Ngọc T theo quy định tại **Điều 313, 315** BLDS năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu thanh toán phí theo dõi: 200.000 đồng và yêu cầu xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe mô tô Honda Lead FI; Biển kiểm soát 43K1-521.xx; Số khung RLHJF7926KZ007xxx ; Số máy JF89E0039xxx theo Hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty số DNM210601033NA19X ngày 19/06/2021.

3. Án phí DS - ST: 1.247.489 đồng bà Đào Thị Ngọc T phải chịu. Hoàn trả cho Công ty TNHH S (nay là Công ty CP S) số tiền tạm ứng án phí 472.000 đồng theo biên lai thu số 0003401 ngày 24/9/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận N;
- Chi cục THA dân sự quận N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm